

Số: 112 /BC-UBND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO
Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Thực hiện Công văn số 893/CV-TU ngày 08/7/2013 của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X), về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Việc phổ biến, quán triệt và thể chế hóa Nghị quyết, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết

1.1. Việc phổ biến, tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết

Sau 5 năm tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt sâu sắc quyết liệt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể có liên quan, toàn tỉnh đã cơ bản đảm bảo thực hiện được các mục tiêu mà Nghị quyết đề ra. Nhận thức rõ nhiệm vụ hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng tạo tiền đề để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ mới. Trong những năm qua Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức phổ biến, tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) tới các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bằng nhiều hình thức như:

- Yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiên cứu quan điểm chủ trương của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 07/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc loại bỏ những rào cản và hoàn thiện cơ chế chính sách để nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Tổ chức các chương trình, hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp, người dân phát triển kinh tế tập thể và cá nhân theo đúng pháp luật và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, biên soạn và đăng tải các thông tin giới thiệu về Hưng Yên, các tiềm năng thế mạnh, các cơ chế chính sách thu hút đầu tư trên các ấn phẩm, tạp chí như: ấn phẩm Doanh nhân Việt Nam nhằm quảng

bá và thu hút đầu tư trong và ngoài nước đến với tỉnh Hưng Yên; xây dựng các chương trình phát sóng trên kênh truyền hình đối ngoại VCT10; xây dựng, hoàn thiện và phát hành tài liệu quảng bá đầu tư của tỉnh thành 5 thứ tiếng Việt Nam, Anh, Nhật, Hàn và Trung để cung cấp cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài,...

Chính những hoạt động thiết thực trên đã tác động trực tiếp đến sự thống nhất về nhận thức trong các cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó giúp tỉnh thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra, huy động được các nguồn lực ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển, bảo đảm tốc độ tăng trưởng và hội nhập kinh tế, tạo việc làm và cải thiện đời sống nhân dân.

1.2. Việc thể chế hóa Nghị quyết, tình hình triển khai những công việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết

Trong những năm qua để triển khai hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 khóa X, tỉnh luôn chú trọng đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, kết hợp thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính với việc đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động thu hút đầu tư và sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiên cứu các quy định của trung ương và của tỉnh, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản, quy định không còn phù hợp nhằm loại bỏ những rào cản để nâng cao hiệu quả đầu tư trên các lĩnh vực. Đồng thời tiến hành xây dựng các Chương trình hành động và Kế hoạch cụ thể để từng bước triển khai thực hiện lộ trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh, cụ thể như:

- Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thông tin đối ngoại, phản ánh kịp thời chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước, những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, tăng cường quảng bá hình ảnh Hưng Yên, thu hút sự quan tâm, gây dựng hình ảnh tốt đẹp và ấn tượng với bạn bè trong nước và quốc tế về Hưng Yên.

- Ban hành các quyết định: số 248/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2013; số 350/QĐ-UBND ngày 18/02/2013 về việc ban hành Kế hoạch truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2013; số

249/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 về việc ban hành Kế hoạch rà soát quy định, thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2013 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức đến liên hệ giải quyết công việc.

- Lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 28/11/2011; Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 23/5/2013; đang hoàn thiện Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của cấp huyện, thành phố; Đồng thời xây dựng và ban hành Nghị quyết về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong từng năm để tạo sự minh bạch và công bằng cho các nhà đầu tư khi quyết định lựa chọn địa điểm tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên trong thời gian qua việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X vẫn còn một số tồn tại hạn chế như:

- Việc định hướng và triển khai thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều khó khăn, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

- Năng lực thể chế hóa và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước còn hạn chế, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Vai trò tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp còn yếu.

2. Kết quả đạt được, hạn chế yếu kém sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết theo từng nội dung trong Nghị quyết đã nêu

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X, tỉnh Hưng Yên đã có những bước tiến đáng kể trong lộ trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế phát triển khá, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, các mặt đời sống văn hóa, xã hội đều có tiến bộ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2008-2012 đạt 12,7%; giữ ổn định lương thực ở mức trên 450 kg/đầu người nhờ đó không chỉ đảm bảo an ninh lương thực trong tỉnh mà còn dư thừa để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng ngoài tỉnh. GTSX công nghiệp năm 2012 (giá cố định 1994) là 24.996 tỷ đồng. Phát triển một số ngành sản xuất có tính động lực như điện tử, dệt may, cơ khí và luyện thép với kỹ thuật tiên tiến. Sản phẩm đa dạng về chủng loại, chất lượng tốt hơn; nhiều sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong nước và quốc tế. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, năm 2012, tỷ trọng khu vực Công nghiệp - xây dựng chiếm 47,48%; dịch vụ 31,67%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 20,84% (năm 2008 tỷ trọng 3 khu vực này tương ứng là: 42,44% - 29,54% - 28,02%). Năm 2012 GDP bình quân đầu người đạt 28 triệu đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.095 triệu USD. Thu ngân sách 4.627,39 tỷ đồng (thu nội địa 3.700,59 tỷ đồng, thu thuế

xuất, nhập khẩu 918,2 tỷ đồng; thu từ xổ số kiến thiết 8,6 tỷ). Tổng vốn huy động đầu tư phát triển toàn xã hội 17.481 tỷ đồng. 22,4% trường mầm non, 61% trường tiểu học, 33,5% trường THCS và 24,3% trường THPT đạt chuẩn quốc gia. 20% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,98%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 46%; tạo thêm việc làm mới 1,8 vạn lao động; tỷ lệ hộ nghèo còn 6,77%, hộ cận nghèo còn 4,87%. Tỷ lệ số làng, khu phố văn hoá đạt 81%; Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 86%.

Có được những kết quả trên là do tỉnh đã đổi mới công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực quản lý, có khả năng tiếp nhận và triển khai thể chế kinh tế thị trường theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiến hành đào tạo trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ trong quy hoạch để nâng cao nhận thức về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới công tác quản lý nhà nước thông qua việc quản lý bằng công tác định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Trong thời gian qua đã tổ chức lập, triển khai, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh như: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020; Đồ án Quy hoạch vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn mới; Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Hưng Yên đến năm 2030; Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên đến năm 2020; Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Hưng Yên đến năm 2020,...

Tích cực thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2012-2015. Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế “một cửa, một cửa liên thông” gắn với việc rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính, loại bỏ những thủ tục không còn phù hợp; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp khi tiếp xúc với thủ tục hành chính, thu hút đầu tư. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật đã đi vào nề nếp và có chất lượng, kịp thời xây dựng và hoàn thiện thể chế trong quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tạo sự minh bạch khi giải quyết công việc. Công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm được tăng cường, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ.

Nhận thức được tầm quan trọng của hội nhập kinh tế và hợp tác phát triển, trong thời gian qua tỉnh đã thực hiện nhiều cơ chế chính sách mạnh mẽ và thông thoáng trong phát triển kinh tế, đẩy mạnh hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước, chú trọng thu hút các dự án có vốn đầu tư nước ngoài nhằm tạo dựng nền tảng, cơ sở hạ tầng thuận lợi cho sự phát triển nhanh, ổn định cả về kinh tế và xã hội. Hưng Yên đang cùng với cả nước thực hiện hội nhập thành

công, từng bước tạo được niềm tin với đối tác, nhà đầu tư và các thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản,... làm nền tảng để đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đa dạng hóa và đa phương hóa hoạt động hợp tác trong thời gian tới. Tính đến hết năm 2012, trên địa bàn tỉnh đã thu hút 1.036 dự án đầu tư (trong nước 801, nước ngoài 235), với tổng vốn đăng ký 56,12 nghìn tỷ đồng và trên 2,2 triệu đô la Mỹ; 605 dự án đi vào hoạt động. Nhiều dự án có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, đóng góp nhiều cho thu ngân sách hàng năm của tỉnh. Có thể nói, các dự án đầu tư đã bổ sung nguồn vốn quan trọng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, năng lực sản xuất công nghiệp được nâng cao góp phần vào việc tăng giá trị xuất khẩu; tạo thêm việc làm, tăng năng suất lao động, cải thiện nguồn nhân lực, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Các dự án đầu tư nước ngoài đã góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến vào tỉnh, tạo ra một số sản phẩm mới có sức cạnh tranh, đồng thời tạo việc làm cho lao động địa phương. Ngoài ra, tỉnh cũng triển khai thực hiện nghiêm các quy định về sở hữu, sử dụng tài sản, đất đai trong quá trình triển khai đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, trong quản lý, sử dụng đất đai cấp cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, phát triển doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Quan tâm về sở hữu trí tuệ, thương hiệu, sản phẩm.

Thực hiện phân phối lại thành quả phát triển kinh tế thông qua các nguồn lực đầu tư của Nhà nước, giai đoạn năm 2008 - 2012, tổng đầu tư ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu chính phủ là 5.456 tỷ đồng để tập trung cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội như đường giao thông, công trình thủy lợi, điện, nước sạch, trường học, trạm y tế, công trình văn hóa, thể thao... Đồng thời triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, tập trung đầu tư cho các xã còn gặp khó khăn về cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm. Qua đó tạo cơ hội để mọi người dân được hưởng phúc lợi xã hội bình đẳng thông qua các chương trình dự án đầu tư của nhà nước.

Tỉnh Hưng Yên đã đẩy mạnh việc đổi mới, sắp xếp, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Tính đến nay đã đổi mới, sắp xếp và chuyển đổi 29 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hoá 24 doanh nghiệp, chuyển đổi 4 công ty sang hình thức trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Các doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì, phát triển. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế nhưng các doanh nghiệp vẫn có doanh thu, lợi nhuận, đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước. Các hợp tác xã được hỗ trợ kinh phí thành lập mới, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phục vụ công tác xây dựng và đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các đơn vị sự nghiệp bước đầu được đổi mới theo hướng tăng quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm.

Quán triệt tinh thần của Nghị quyết Trung ương 6, trong những năm qua tỉnh luôn chú trọng gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với người có công và giải quyết tích cực những tồn tại, vướng mắc cho các đối tượng. Thực hiện chi trả

hàng tháng cho 27.785 đối tượng, tổ chức điều dưỡng cho 5.500 người có công. Thực hiện tốt công tác giảm nghèo, bảo trợ thường xuyên cho trên 40.000 đối tượng, hỗ trợ tiền điện cho 26.819 hộ nghèo, trợ cấp hàng tháng 17.263 người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên. Cai nghiện ma túy tập trung cho 250 đối tượng và cai nghiện tại cộng đồng cho 29 đối tượng. Công tác bình đẳng giới, người cao tuổi, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và các vấn đề xã hội khác thường xuyên được quan tâm. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các dự án chương trình mục tiêu quốc gia về dạy nghề, giảm nghèo, việc làm. Công tác khám, chữa bệnh và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, triển khai áp dụng thành công nhiều kỹ thuật mới, tiên tiến, góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến trên. Công tác xã hội hóa y tế được quan tâm phát triển. Hệ thống mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường đầu tư cả về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất; nâng cấp, mở rộng các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện, đầu tư xây dựng các trạm y tế xã, nâng tổng số xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia lên 139/145 xã (đạt 96% theo tiêu chí cũ) và đạt 20% theo tiêu chí hiện hành. Chương trình mục tiêu quốc gia về kiên cố hóa trường lớp được triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh đã từng bước ổn định việc dạy và học ở hầu hết các cấp học từ đó nâng cao chất lượng đào tạo học sinh trên địa bàn tỉnh. Chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững, duy trì Hưng Yên thuộc top các tỉnh có chất lượng giáo dục và đào tạo dẫn đầu toàn quốc. Toàn tỉnh hiện có 208 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 39 trường mầm non, 103 trường tiểu học, 57 trường trung học cơ sở và 9 trường trung học phổ thông với 6.572 phòng học được kiên cố hóa cao tầng. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được đẩy mạnh, đến nay tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ước đạt 89%, tỷ lệ trường học có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh 68,7%, tỷ lệ trạm y tế có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh 90,3%. Hạ tầng nông nghiệp và nông thôn được ưu tiên đầu tư, phát huy hiệu quả và ngày càng hoàn thiện, với nhiều công trình thủy lợi, trạm bơm đầu mối như Bảo Khê, Phan Đình Phùng, nạo vét sông Cừu An - Đồng Quê, sông Điện Biên,...; cứng hóa và chỉnh trang toàn tuyến đê và kè xung yếu đảm bảo ứng phó có hiệu quả của biến đổi khí hậu, đặc biệt đã chủ động hoàn toàn với ứng hạn. Hệ thống giao thông có bước đột phá, với chương trình giao thông đồng bộ, trong đó chú trọng tới giao thông nông thôn và các công trình trọng điểm như tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình qua Hưng Yên và Hà Nam, đường đê tả sông Hồng, Tỉnh lộ 200... và nhiều tuyến đường quan trọng khác góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh, thông thương giữa các vùng, các huyện, thành phố và với các địa phương trong cả nước.

Nghiêm túc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong thời gian qua Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách để phát triển thị trường lao động trên địa bàn. Sau khi Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 30/12/2011; UBND tỉnh đã chỉ đạo các

sở, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện rà soát theo nội dung quy hoạch, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp định hướng vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố cũng như chương trình, đề án của các sở, ngành của tỉnh. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi đôn đốc các sở ngành liên quan tổng hợp nhu cầu nhân lực để xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực và việc làm của địa phương. Đặc biệt tỉnh đã tổ chức nhiều hội thảo và lớp tập huấn để hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đúng quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về việc trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Công tác đào tạo nghề được quan tâm, tăng quy mô, đa dạng hoá các hình thức dạy nghề. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các dự án chương trình mục tiêu quốc gia về dạy nghề, giảm nghèo, việc làm. Hệ thống các trường đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề tăng cả về số lượng, qui mô, chất lượng và hình thức đào tạo. Toàn tỉnh hiện có 40 cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề phát huy có hiệu quả, triển khai và thực hiện bước đầu có hiệu quả mô hình dạy nghề theo định hướng thị trường đáp ứng nhu cầu học nghề và sử dụng lao động có tay nghề của doanh nghiệp và xã hội; mỗi năm giải quyết việc làm mới trung bình trên 2 vạn lao động, xuất khẩu 2,5 nghìn lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2012 đạt 46%, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, đưa tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn 6,77% (theo chuẩn mới), hộ cận nghèo còn 4,87%.

Công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường được triển khai sâu rộng trên khắp các huyện, thành phố trên địa bàn, nhờ đó ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tầng lớp nhân dân được nâng lên. Tỷ lệ rác thải được thu gom xử lý đạt cao, 09/10 huyện thành phố có xe cuốn thép vận tải, vận chuyển rác, 95% thôn có đội môi trường tự quản, trên 40% thôn có điểm tập kết, bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh. Xây dựng được trên 3.000 hầm khí sinh học Biogas xử lý chất thải chăn nuôi, trên 100 thùng, bể chứa, thu gom vỏ bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật tại đồng ruộng. Công tác kiểm soát ô nhiễm và thanh tra kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được quan tâm. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường được đẩy mạnh góp phần đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch, nước hợp vệ sinh cho người dân. Đến nay tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ước đạt 89%, tỷ lệ trường học có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh 68,7%, tỷ lệ trạm y tế có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh 90,3%. Tỉnh ưu tiên đầu tư xây dựng các dự án phục vụ công tác quản lý môi trường như: Trang thiết bị trạm quan trắc phân tích tài nguyên môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải chất thải rắn 14 bệnh viện trên địa bàn tỉnh, Hệ thống xử lý khí thải bệnh viện đa khoa Phó Nổi, Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý bụi, khí thải, nước thải cho làng nghề tái chế chì Chi Đạo huyện Văn Lâm, Xây dựng hệ thống xử lý nước thải thuốc da Liêu Xá...

Nhìn chung sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

tỉnh Hưng Yên đã cơ bản thực hiện tốt các yêu cầu trong Nghị quyết, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại hạn chế cần được khắc phục:

- Thể chế kinh tế thị trường chưa được xây dựng đồng bộ, các yếu tố của kinh tế thị trường chưa được hình thành đầy đủ: thị trường đất đai còn nhiều bất cập; thị trường khoa học công nghệ còn chậm phát triển và chưa có bước đột phá; thị trường lao động cơ bản đã phát triển song chất lượng nguồn nhân lực còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu về kinh tế thị trường. Việc xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai còn nhiều vướng mắc, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong doanh nghiệp nhà nước chưa giải quyết tốt, gây khó khăn cho sự phát triển và làm thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước nhất là sau khi cổ phần hóa.

- Hoạt động gắn kết phát triển kinh tế thị trường với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh mới được quan tâm ở khu vực nhà nước, khu vực tư nhân phát triển còn tự phát và kém hiệu quả.

- Chính sách tiền lương còn mang tính bình quân, chưa bảo đảm đời sống của người hưởng lương, chưa khuyến khích, thu hút và sử dụng được người tài. Hệ thống thuế chưa thực hiện tốt chức năng điều tiết và bảo đảm công bằng xã hội, thúc đẩy đầu tư, đổi mới công nghệ, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

- Một số cơ chế, chính sách để phát triển lĩnh vực văn hóa, xã hội chậm đổi mới, chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa hình thành được cơ chế có hiệu quả để huy động nguồn lực xã hội hóa để phát triển lĩnh vực y tế và giáo dục. Hệ thống an sinh xã hội còn thiếu, chất lượng còn ở mức khiêm tốn. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội thấp. Nhiều vấn đề bất cập, bức xúc trong xã hội và bảo vệ môi trường chưa được giải quyết tốt.

3. Nguyên nhân của những kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém

- Về cơ chế chính sách, các quy định của pháp luật: Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ thống nhất, nhiều văn bản Luật còn chồng chéo, hoặc không rõ ràng. Chưa xây dựng được cơ chế hữu hiệu để khuyến khích tham gia vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và người dân.

- Về Chỉ đạo của trung ương: Chỉ đạo của trung ương về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mới chỉ được đưa vào Nghị quyết với các nội dung định hướng chung. Từ năm 2008 đến nay tuy Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 32/CT-TTg ngày 07/12/2012 về việc loại bỏ những rào cản và hoàn thiện cơ chế, chính sách để nâng cao hiệu quả đầu tư, nhưng chưa ban hành chương trình hành động tổng thể để hướng dẫn các địa phương hình thành và phát triển các thể chế kinh tế thị trường. Nhất là khi mô hình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa có tiền lệ, do đó việc ứng dụng mô hình này vào phát triển kinh tế tại địa phương còn gặp nhiều vướng mắc và lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Về nguồn lực thực hiện: Nguồn lực dành cho các hoạt động nhằm phát triển các thành phần kinh tế tập thể, đào tạo nâng cao chất lượng thị trường lao

động, phát triển thị trường khoa học công nghệ...để từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm qua còn gặp nhiều hạn chế, do ngân sách tỉnh hạn hẹp, ngân sách trung ương hỗ trợ rất nhỏ so với nhu cầu hỗ trợ của địa phương.

- Việc phối kết hợp triển khai thực hiện Nghị quyết giữa các ngành, các cấp trong thời gian qua còn thụ động, chưa chủ động nghiên cứu tổng hợp và tham mưu giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách, quy định để thể chế hóa tại địa phương.

- Về ý thức trách nhiệm của các chủ đầu tư, doanh nghiệp, người dân: Nhận thức kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của một phần người lao động, cán bộ quản lý doanh nghiệp, cán bộ, công chức còn hạn chế. Thiếu cán bộ có chuyên môn sâu trong công tác quản lý môi trường, nhất là ở cấp xã. Nhiều cơ sở sản xuất, cơ quan, đơn vị sự nghiệp chưa nhận thức đúng mức tầm quan trọng của vấn đề phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. Các hình thức tuyên truyền bảo vệ môi trường chưa được tiến hành thường xuyên, nội dung tuyên truyền chưa sát thực tế nên hiệu quả đem lại chưa cao.

- Về tác động của các yếu tố nước ngoài: Chưa ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; quy định đối tượng, điều kiện để người nước ngoài có quyền được mua, được sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất và các tài sản khác tại Việt Nam, khiến nhiều doanh nghiệp nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào tỉnh gặp khó khăn do sự khác biệt về thể chế kinh tế trong nước và nước ngoài.

4. Một số vấn đề mới nảy sinh ngoài nội dung của Nghị quyết

Nghị quyết Trung ương 6 khóa X đã đưa ra những giải pháp để từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, tạo dựng một môi trường đầu tư thân thiện bình đẳng và cạnh tranh để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có cơ hội phát triển. Tuy nhiên một trong những vấn đề mới nảy sinh và cần được giải quyết trong thời gian tới là bên cạnh những thời cơ và thuận lợi mà quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế đem lại, còn tồn tại những khó khăn nhất định đó là quá trình hội nhập làm cho hàng hoá, dịch vụ của Hưng Yên phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh gay gắt hơn, khốc liệt hơn ngay cả trên thị trường nội địa, cụ thể như sau:

- Nền kinh tế tỉnh Hưng Yên vẫn chưa thật sự vững chắc trong tiến trình hội nhập do cơ sở hạ tầng, điều kiện kinh tế xã hội vẫn đang trong quá trình tích lũy và xây dựng. Các doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, thiếu những tập đoàn, doanh nghiệp lớn, sức cạnh tranh trên thị trường thế giới còn hạn chế, trình độ công nghệ đa số ở mức trung bình, đặc biệt là những doanh nghiệp nội tỉnh, doanh nghiệp công nghiệp nông thôn. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh còn hạn chế, các lĩnh vực dịch vụ bước đầu đã có sự phát triển song còn chậm, quy mô nhỏ lẻ, nhất là các dịch vụ mới như tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, khoa học và công nghệ, tư vấn, dịch vụ du lịch.

- Khả năng cạnh tranh của một số mặt hàng công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn yếu (về giá cả, chất lượng, hình thức mẫu mã) do quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ chưa hiện đại, phương thức tổ chức quản lý chưa theo kịp với yêu cầu, năng suất lao động thấp. Đa số các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh chủ yếu là làm hàng gia công, giá trị gia tăng thấp, chưa thu hút được nhiều các dự án sử dụng công nghệ cao, hiện đại, chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của tỉnh.

- Đội ngũ cán bộ công chức mặc dù đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, song cán bộ công chức chuyên trách về hội nhập kinh tế, hợp tác quốc tế còn thiếu, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia, trình độ ngoại ngữ của đa số cán bộ công chức còn yếu. Đội ngũ doanh nhân, nhất là các chủ doanh nghiệp công nghiệp nông thôn có trình độ quản lý và tiềm lực tài chính còn hạn chế, chưa xây dựng được chiến lược phát triển phù hợp trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế nên còn e ngại trong việc đầu tư tạo dựng thương hiệu riêng của doanh nghiệp. Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu cả về lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao và đội ngũ lao động có tay nghề theo yêu cầu của các doanh nghiệp; chất lượng đào tạo ở một số trường đại học và trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh hiện nay chỉ mới ở bước khởi đầu, chưa có nội dung kết hợp chặt chẽ với yêu cầu cần thiết của doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Kiến nghị một số giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Về nguồn lực để thực hiện Nghị quyết: Đề nghị Ban Kinh tế trung ương xem xét báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư quan tâm bổ sung thêm vốn hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho tỉnh để tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển các thành phần kinh tế tập thể, tăng cường nguồn lực cho quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã nhằm tiếp tục đổi mới, phát triển các hình thức hợp tác xã và tổ hợp tác theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với các nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng.

- Về xây dựng, sửa đổi bổ sung Luật, cơ chế chính sách để triển khai thực hiện Nghị quyết: Đề nghị Thủ tướng Chính phủ bổ sung hoàn thiện pháp luật về sở hữu cần quy định rõ hơn các quyền của chủ sở hữu và các quyền của người được giao sử dụng tài sản. Phân định rõ sở hữu tài sản pháp nhân và thể nhân, quyền và trách nhiệm của pháp nhân, thể nhân trong việc thực hiện các chế độ sở hữu tài sản trí tuệ, tài sản vật chất, tài sản cổ phiếu, tài sản nợ. Đồng thời có cơ chế chính sách khuyến khích liên kết các hình thức sở hữu giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Tiến tới xây dựng một mặt bằng pháp lý cho các doanh nghiệp không phân biệt chế độ sở hữu, tạo điều kiện để các doanh nghiệp được tiếp cận mọi nguồn lực trong xã hội theo nguyên tắc cạnh tranh và bình đẳng.

- Về xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm, trung và dài hạn phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa: Công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm, trung và dài hạn trong thời gian tới cần quan tâm hơn tới việc từng bước cải cách hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường cũng như có cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tinh tiếp cận hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Chú trọng phát triển giao thông nông thôn đẩy mạnh triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới. Xây dựng chương trình phát triển thương mại trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Khuyến khích phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, nhất là trong nông nghiệp và khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng cường hợp tác, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư... tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư; thúc đẩy các thành phần kinh tế đầu tư phát triển. Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh phù hợp với từng thời kỳ, đặc biệt khuyến khích các dự án đầu tư vào các lĩnh vực: xây dựng, kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch; công nghiệp điện tử, tin học, phần mềm; công nghiệp chế tạo, cơ khí công nghệ cao; công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm công nghệ cao.

- Về sự phân công, phân cấp, cơ chế phối hợp giữa các bộ ngành, Trung ương và địa phương để triển khai thực hiện Nghị quyết: Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, nhất là phân cấp về tài chính và đất đai để địa phương chủ động phân bổ các nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó đề nghị Ban kinh tế Trung ương chủ trì tổ chức các hội nghị, hội thảo để các tỉnh trao đổi học hỏi kinh nghiệm xây dựng mô hình phát triển kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa tại mỗi địa phương. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa địa phương với các Bộ, ngành Trung ương nhằm đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế, hợp tác quốc tế; đồng thời có cơ chế kiểm tra, đôn đốc và đúc rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai Nghị quyết tại các địa phương trên cả nước để từ đó xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn triển khai Nghị quyết hiệu quả và thiết thực hơn.

- Về vai trò trách nhiệm cụ thể của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành, địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp trong thời gian tới: Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành, địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp tiếp tục tổ chức quán triệt Nghị quyết này trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sẽ nghiên cứu xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, xác định rõ và cụ thể nội dung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phấn đấu đưa tỉnh Hưng Yên trở thành điểm sáng trong xây dựng mô hình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Về hợp tác quốc tế: Tăng cường cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, giảm thời gian xử lý hồ sơ hành chính, nhất là các thủ tục hành chính về đầu tư, hải quan, thuế... Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó chú trọng phổ biến những cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập; cung cấp thông tin về những rào cản thương mại, nhất là những rào cản phi thuế quan, thông tin về thị trường, sản phẩm có tiềm năng đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của tỉnh Hưng Yên nói riêng; tổ chức các chương trình hội thảo nhằm hỗ trợ, đào tạo giúp các doanh nghiệp nhận biết được nguy cơ từ việc mở cửa thị trường. Tạo môi trường hợp tác kinh doanh để các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam trong và ngoài nước có cơ hội gặp gỡ, trao đổi thông tin, tìm kiếm bạn hàng và hợp tác đầu tư; tìm kiếm các dự án đầu tư có hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy. *2/*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Chánh Văn phòng;
- Lưu: Văn thư.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Thới